

Bản án số: 77/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/06/2018
V/v "*Tranh chấp về Hôn nhân và gia
đình – Xin ly hôn*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thu Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thành Phước**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đặng Huỳnh Hoa Lý** – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Ông
Phạm Văn Sơn – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 06 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng
03 năm 2018, về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Xin ly hôn*" theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử 321/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 05 năm
2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kiều P**, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp Phú Thuận, xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Võ Công K**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp Phú Thuận, xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên
tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều P trình bày:* Bà và ông Võ Công K chung
sống với nhau vào năm 1997 có làm đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn
theo quy định pháp luật. Cuộc sống ban đầu có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh
mâu thuẫn do ông K hay nhậu, không lo cho gia đình, hai người mâu thuẫn trầm
trọng, thường xuyên cãi nhau, nay do tính tình không còn phù hợp, ông K còn
hay đánh bà P, ông K và bà P đã không còn sống chung từ năm 2017, tình cảm
không còn yêu cầu ly hôn ông K.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Võ Hoàng P, sinh ngày
07/7/1999 hiện nay đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo đơn bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Công K trình bày: Thống nhất về thời gian sống chung với bà P như đã trình bày, ông K và bà P chung sống với nhau năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn, cuộc sống ban đầu có hạnh phúc nhưng thời gian sau xảy ra mâu thuẫn do bà P nhậu nhẹt, không lo cho gia đình và ông cũng có nhậu dẫn đến cự cãi, ông K đã bỏ về nhà mẹ ruột của ông ở từ năm 2017, mặc dù cả hai đã không còn sống chung, nhưng ông K vẫn còn tình cảm và thương bà P nên không đồng ý ly hôn với bà P. Tại phiên tòa ông K xác định do bà P cương quyết xin ly hôn thì ông cũng đồng ý theo yêu cầu của bà P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Hoàng P, sinh ngày 07/7/1999 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông K xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết. Nhưng tại phiên tòa ông K yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, căn cứ hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà P và ông K là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kiều P làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông Võ Công K có địa chỉ ấp ấp Phú Thuận, xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Võ Công K sống chung với nhau năm 1997 có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kiều P, Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng ông bà chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Thời gian gần đây đã xảy ra mâu thuẫn, tính tình không còn phù hợp, ông K hay nhậu và bà P cũng có nhậu, ông K không lo cho gia đình, hai người mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi nhau và ông K còn hay đánh bà, ông K và bà P đã không còn sống chung từ năm 2017 và tại phiên tòa ông K cũng đồng ý ly hôn với bà P. Tuy nhiên Căn cứ theo khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Tại thời điểm này ông K và

bà P đã đủ độ tuổi để kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn, đến nay ông, bà cũng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông, bà không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy, Tòa án không giải quyết cho ông K và bà P ly hôn mà cần không công nhận ông K và bà P là vợ chồng.

Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

Tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông K xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa ông K yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, nhưng ông lại không cung cấp được những tài sản cần chia là những tài sản gì, do đó Tòa án chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân, còn về quan hệ tài sản nếu sau này ông K cung cấp được chứng cứ chứng minh tài sản chung của ông, bà và có yêu cầu thì khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Ghi nhận ông K và bà P xác định không có nợ chung nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông, bà trong thời kỳ sống chung thì bà ông K và bà P vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]Về án phí sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Võ Công K là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không xem xét. Khi có yêu cầu thì khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Ghi nhận ông K và bà P xác định không có nợ chung nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông, bà trong thời kỳ sống chung thì ông K và bà P vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001002 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Kiều P, ông Võ Công K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thu Hằng